

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐÀM ĐOÀI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 186/2022/DS-ST  
Ngày 28 - 9 - 2022  
V/v tranh chấp hội

**NH DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐOÀI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Càn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Kim Kết

Ông Hồ Thanh Phong.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 349/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2022 về việc “tranh chấp hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 201/2022/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Như T, sinh năm 1983; cư trú tại: Ấp C, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Phan Phương N (Phan Văn N); cư trú tại: Ấp N, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Bà Lâm Hồng H; cư trú tại: Ấp N, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\* Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại phiên tòa của chị Nguyễn Như T, thể hiện:***

Chị T tham gia 04 chung của dây hội bà Lâm Hồng H mở vào ngày 10/10/2020 âm lịch, loại 1.000.000 đồng/tháng, gồm 38 phần. Quá trình tham gia hội, ông Phan Phương N cùng bà H đi gom hội và chị T đóng được 14 lần với số tiền bỏ hội bình quân là 380.000 đồng/lần với tổng số tiền là 34.720.000 đồng và đến ngày 30/11/2021 âm lịch ông N, bà H tuyên bố đình hội.

Tại phiên tòa, chị T xác định khi đình hội, bà H đồng ý trả lại số tiền

50.000.000 đồng; tuy nhiên, qua phân tích của Hội đồng xét xử chị T tự nguyện giảm thêm số tiền 5.000.000 đồng và yêu cầu ông N, bà H trả lại tổng số tiền là 45.000.000 đồng.

\* *Đối với ông Phan Phương N:* Sau khi thụ lý vụ án, cán bộ đã đến tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng, ông N không đồng ý nhận và cho rằng không biết bà H mở hội như thế nào, hiện nay không liên hệ được với bà H và không tham gia hòa giải, xét xử.

\* *Đối với bà Lâm Hồng H:* Đã được tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bà H không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của chị T và không tham gia hòa giải, xét xử.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Như T khởi kiện yêu cầu ông Phan Phương N và bà Lâm Hồng H trả lại số tiền hội còn thiếu nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hội thuộc thẩm quyền của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Có mặt tại phiên tòa, chị T yêu cầu rút nội dung ủy quyền cho anh Đoàn Chí C tham gia tố tụng tại Tòa án; anh C thống nhất để chị T tham gia tố tụng. Do vậy, chị T tiếp tục tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn trong vụ án.

[3] Ông N được tổng đạt trực tiếp nhưng không đồng ý nhận các văn bản tố tụng và bà H đã được triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự này là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[4] Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của chị T tại phiên tòa phù hợp với danh sách hội viên, các xác nhận của bà Phạm Thu H, bà Võ Lệ H và bà Trần Kim U, thể hiện: Chị T có tham gia 04 chung của đây hội loại 1.000.000 đồng/tháng, khai vào ngày 10/10/2020 âm lịch do bà H làm đầu thảo và đóng được 14 lần thì bà H đình hội (ngày 30/11/2021). Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bà H không có ý kiến phản đối nên đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[5] Do đây hội chưa mãn nên chị T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện và yêu cầu trả số tiền là 45.000.000 đồng. Xét thấy, việc chị T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận theo khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Quá trình giải quyết vụ án, ông N không đồng ý nhận văn bản tố tụng của Tòa án với lý do không biết việc bà H mở hội và hiện nay không liên hệ được với bà H nhưng ông N không có ý kiến phản đối hoặc cung cấp tài liệu, chứng cứ cho trình bày của mình. Mặt khác, đây hội này phát sinh trong thời gian ông N và bà H tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp nên chị T khởi kiện yêu cầu ông N, bà H

cùng có trách nhiệm trả số tiền hui 45.000.000 đồng là phù hợp và đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông N, bà H phải chịu là: 45.000.000 đồng x 5% = 2.250.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật Dân sự; Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Như T.

Buộc ông Phan Phương N, bà Lâm Hồng H trả cho chị T số tiền 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị T cho đến khi thi hành án xong khoản tiền, thì hàng tháng ông N, bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông N, bà H phải chịu số tiền 2.250.000 đồng (hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) (chưa nộp).

- Chị T không phải chịu. Hoàn trả lại cho chị T số tiền 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012846 ngày 28/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

*Nơi nhận:*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Tòa án nH dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nH dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Văn Càn**